

PHỤ LỤC 2
NGUYÊN TẮC VÀ KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI
BIỂU THUẾ AANZFTA TỪ AHTN2017 - AHTN2022

(Kèm theo Tờ trình Chính phủ số /TTr-BTC ngày tháng năm 2022)

I. Nguyên tắc chuyển đổi biểu thuế

1. Căn cứ pháp lý và cơ sở chuyển đổi kỹ thuật.

Việc chuyển đổi biểu cam kết được thực hiện trên cơ sở sau:

- Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 08/3/2022 của Chính phủ phê duyệt Danh mục Biểu thuế hài hòa ASEAN phiên bản 2022;
- Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 28/12/2016 của Chính phủ phê duyệt Danh mục Biểu thuế hài hòa ASEAN phiên bản 2017;
- Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Bảng tương quan 2 chiều AHTN 2022 và AHTN 2017 đã được các nước ASEAN thống nhất;
- Dự thảo Thông tư ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

2. Nguyên tắc chuyển đổi biểu cam kết

Để đảm bảo việc chuyển đổi không làm xói mòn cam kết của Hiệp định, trên cơ sở tài liệu hướng dẫn chuyển đổi của WTO, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và một số FTA đang thực hiện của Việt Nam (như ASEAN - Trung Quốc, ASEAN - Hàn Quốc, ASEAN - Ôt-xtrây-li-a - Niu Di-lân), Tổ công tác trình Bộ thống nhất áp dụng nguyên tắc như sau:

(i) Trường hợp dòng thuế ở cấp độ 8 số theo AHTN 2022 được giữ nguyên hoặc tách dòng so với AHTN 2017: Áp dụng nguyên tắc lấy cam kết thuế quan theo dòng hàng AHTN 2017 để đảm bảo sự ổn định, không tạo ra biến động về thuế suất.

(ii) Trường hợp gộp các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 giống nhau: Áp dụng nguyên tắc nhập dòng và lấy cam kết chung của các dòng hàng AHTN 2017.

(iii) Trường hợp gộp các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 khác nhau:

+ Tiến hành tách dòng (thêm mã 10 số trên cơ sở mã 8 số của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam) để vừa tuân thủ cam kết và không đẩy nhanh lộ trình cắt giảm thuế nhập khẩu của Việt Nam;

+ Trường hợp khác biệt thuế nhưng không có kim ngạch, không có tác động giảm thu NSNN (hoặc tác động không lớn) thì xem xét nhập dòng và áp dụng mức cam kết ưu đãi nhất để đơn giản biểu thuế.

+ Trường hợp không thể tách được do không khả thi về mặt kỹ thuật/phân loại thì nhập dòng và áp dụng mức cam kết ưu đãi nhất.

II. Kết quả chuyển đổi biểu thuế AANZFTA

Theo tương quan thống nhất trong ASEAN, 11.414 dòng hàng theo AHTN 2022 cấp độ 8 số được chia thành 03 trường hợp chuyển đổi mã hàng như sau:

2.1. Trường hợp dòng thuế ở cấp độ 8 số theo AHTN 2022 tương quan chuyển đổi 1:1 với AHTN 2017 (mã hàng không thay đổi)

Trong số 11.414 dòng hàng theo Danh mục AHTN 2022, có 11.051 dòng thuế ở cấp độ 8 số theo AHTN 2022 được chuyển đổi 1:1 (mã hàng không thay đổi) so với AHTN 2017. Theo đó, đã áp dụng nguyên tắc lấy cam kết thuế quan theo dòng hàng AHTN 2017.

2.2. Trường hợp gộp các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 giống nhau

Trong số 11.414 dòng thuế theo Danh mục AHTN 2022, có 352 dòng thuế ở cấp độ 8 số theo AHTN 2022 được gộp các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 giống nhau. Theo đó đã áp dụng nguyên tắc nhập dòng và lấy cam kết chung của các dòng hàng AHTN 2017.

2.3. Trường hợp gộp các dòng thuế có cam kết theo AHTN 2017 khác nhau

Trong số 11.414 dòng thuế theo Danh mục AHTN 2022, có 11 dòng thuế ở cấp độ 8 số theo AHTN 2022 được gộp các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 khác nhau. Kết quả xử lý đối với các dòng hàng này cụ thể như sau:

1. Mã hàng 0307.22.00 (AHTN 2022) có mô tả Điệp và các loài động vật thân mềm khác thuộc họ Pectinidae – dạng đông lạnh

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng 0307.22.00 có mô tả Điệp, kể cả điệp nữ hoàng, thuộc giống Pecten, Chlamys hoặc Placopecten – dạng đông lạnh

và 0307.92.00 có mô tả Loại khác, kể cả bột mịn, bột thô và viên, thích hợp dùng làm thức ăn cho người – dạng tươi hoặc ướp lạnh.

- Về hiện trạng thuế: Tại AANZFTA, có chênh lệch thuế suất giữa 2 mã hàng AHTH 2017, lần lượt là 0% (mã 0307.22.00) và 5% (mã 0307.92.00).

- Phương án xử lý: tách dòng nhằm đảm bảo cam kết thuế thành 2 dòng 10 số cụ thể như sau:

0307.22.00 - - Đông lạnh:

0307.22.00.10 - - - Điệp, kể cả điệp nữ hoàng, thuộc giống Pecten, Chlamys hoặc Placopecten (tương quan với mã 0307.22.00)

0307.22.00.90 - - - Loại khác (tương quan với mã 0307.92.00)

2. Mã hàng 0307.49.31 (AHTN 2022) có mô tả là Mực nang (*Sepia officinalis*, *Rossia macrosoma*, *Sepiola spp.*) và mực ống (*Ommastrephes spp.*, *Loligo spp.*, *Nototodarus spp.*, *Sepioteuthis spp.*) - để hun khói

- Được tách một phần từ mã hàng 0307.49.30 có mô tả là Mực nang và mực ống – để hun khói.

- Tuy nhiên, tại AANZFTA, mặt hàng này chỉ tương quan với mã 10 số là 0307.49.30.10 (Mực nang (*Sepia officinalis*, *Rossia macrosoma*, *Sepiola spp.*) và mực ống (*Ommastrephes spp.*, *Loligo spp.*, *Nototodarus spp.*, *Sepioteuthis spp.*)).

- Phương án xử lý:

Lấy tương quan thuế với mã hàng 0307.49.30.10 tại AANZFTA.

3. Mã hàng 0307.49.39 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác (Được hiểu là Mực nang và mực ống – để hun khói trừ Mực nang (*Sepia officinalis*, *Rossia macrosoma*, *Sepiola spp.*) và mực ống (*Ommastrephes spp.*, *Loligo spp.*, *Nototodarus spp.*, *Sepioteuthis spp.*))

- Được tách một phần từ mã hàng 0307.49.30 có mô tả là Mực nang và mực ống – để hun khói.

- Tuy nhiên, tại AANZFTA, mặt hàng này chỉ tương quan với mã 10 số là 0307.49.30.90 (Mực nang và mực ống hun khói – loại khác).

- Phương án xử lý: Lấy tương quan thuế với mã hàng 0307.49.30.90 tại AANZFTA.

4. Mã 1601.00.10 (AHTN 2022) có mô tả là Đóng bao bì kín khí để bán lẻ (thuộc nhóm 16.01 Xúc xích và các sản phẩm tương tự làm từ thịt, từ

phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ, tiết hoặc côn trùng; các chế phẩm thực phẩm từ các sản phẩm đó)

- Được gộp từ 2 Mã AHTN 2017 là Mã 1601.00.10: - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ (thuộc nhóm 16.01 Xúc xích và các sản phẩm tương tự làm từ thịt, từ phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ hoặc tiết; các chế phẩm thực phẩm từ các sản phẩm đó); một phần Mã 2106.90.99: loại khác.

- Về hiện trạng thuế: Tại AANZFTA, có chênh lệch thuế suất giữa 2 mã hàng AHTN 2017, lần lượt là 5% (mã 1601.00.10) và 0% (mã 2106.90.99).

- Phương án xử lý: Tách dòng 10 số, cụ thể như sau:

- 1601.00.10 - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ và loại khác
- 1601.00.10.10 - - Từ côn trùng (tương quan với mã 2106.90.99)
- 1601.00.10.90 - - Loại khác (tương quan với mã 1601.00.10)

5. Mã 1601.00.90 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác (thuộc nhóm 16.01 Xúc xích và các sản phẩm tương tự làm từ thịt, từ phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ, tiết hoặc côn trùng; các chế phẩm thực phẩm từ các sản phẩm đó)

- Được gộp từ 2 là 1601.00.90 có mô tả loại khác (thuộc nhóm 16.01 Xúc xích và các sản phẩm tương tự làm từ thịt, từ phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ hoặc tiết; các chế phẩm thực phẩm từ các sản phẩm đó); một phần mã 2106.90.99 có mô tả là loại khác

- Về hiện trạng thuế: Tại AANZFTA, có chênh lệch thuế suất giữa 2 mã hàng AHTN 2017, Mã 1601.00.90 là 5%, Mã 2106.90.99 là 0%

- Phương án xử lý: Tách dòng 10 số

- 1601.00.90 - Loại khác
- 1601.00.90.10 - - Từ côn trùng (tương quan với mã 2106.90.99)
- 1601.00.90.90 - - Loại khác (tương quan với mã 1601.00.90)

6. Mã hàng 8703.31.41 (AHTN 2022) có mô tả Xe đua cỡ nhỏ

7. Mã hàng 8703.31.42 (AHTN 2022) có mô tả Xe địa hình ATV (All-Terrain Vehicles)

- Các mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại AANZFTA, mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số là 8703.31.4x.10 có mô tả Loại bốn bánh chủ động (thuế suất 17%) và mã 8703.31.41.90 có mô tả là Loại khác (thuế suất 50%).

- Phương án xử lý: Bảo lưu phương án tách dòng tại AANZFTA.

8. Mã hàng 8703.31.44 (AHTN 2022) có mô tả Ô tô tang lễ

9. Mã hàng 8703.31.45 có mô tả Ô tô chở phạm nhân

- Các mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.
- Tại AANZFTA, mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số là 8703.31.4x.10 có mô tả Loại bốn bánh chủ động và mã 8703.31.41.90 có mô tả là Loại khác.
- Chênh lệch thuế suất 2 mã này tại AANZFTA là 17% và 50%.
- Phương án xử lý: Bảo lưu phương án tách dòng tại AANZFTA.

10. Mã hàng 8703.31.91 (AHTN 2022) có mô tả Xe ba bánh

- Mã hàng này được tách từ mã 8703.31.90 có mô tả Loại khác.
- Tại AANZFTA, mã hàng này chỉ tương quan với mã 10 số là 8703.31.90.90 có mô tả là Loại khác (thuế suất 50%).
- Phương án xử lý: Lấy tương quan với mã 10 số tương ứng tại AANZFTA là 8703.31.90.90.

11. Mã hàng 8703.31.99 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác

- Mã hàng này được tách từ mã 8703.31.90 có mô tả Loại khác.
- Tại AANZFTA, mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số là 8703.31.90.10 có mô tả Loại bốn bánh chủ động (thuế suất 17%) và mã 8703.31.90.90 có mô tả là Loại khác (thuế suất 50%).
- Phương án xử lý: Bảo lưu phương án tách dòng tại AANZFTA.

12. Về sản phẩm thuốc lá thuộc nhóm 24.04:

- Theo danh mục AHTN 2022, Chương 24 về các mặt hàng “Thuốc lá và nguyên liệu thay thế lá thuốc lá đã chế biến” được bổ sung thêm các sản phẩm thuộc nhóm 24.04 là “Sản phẩm chứa lá thuốc lá, thuốc lá hoàn nguyên, nicotin, hoặc các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá hoặc các nguyên liệu thay thế nicotin, dùng để hút mà không cần đốt cháy; các sản phẩm chứa nicotin khác dùng để nạp nicotin vào cơ thể con người” trên cơ sở sự phát triển của ngành hàng thuốc lá phi truyền thống như thuốc lá điện tử dạng gel, thuốc lá sử dụng nguyên liệu thay thế nicotin.

Nhóm hàng này được hình thành trên cơ sở các sản phẩm là nguyên liệu thay thế lá thuốc lá (mã số 2403.99.30; 2403.99.90), các chất khác của sản phẩm, chế phẩm hóa học của ngành công nghiệp hóa chất hoặc ngành công nghiệp có liên quan chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác (mã số 3824.99.99) và hỗn hợp khác của hóa chất với thực phẩm để chế biến thực phẩm (mã số 2106.90.99). Tại bảng tương quan AHTN 2017-2022, có tất cả 10 mã hàng HS

2022 ở cấp độ 8 số của nhóm 2404 có tương quan 1:1 tương ứng với các mã HS 2017 lần lượt là 2403.99.30 (30%); 2403.99.90 (30%), 2106.90.99 (0%) và 3824.99.99 (0%). Theo đó, có 8/10 mặt hàng của nhóm 2404 sau khi chuyển đổi sang AHTN 2022 sẽ có thuế suất là 0% từ năm 2023.

Theo quan điểm phân loại trước đây của Việt Nam đối với những mặt hàng này sẽ được phân loại là sản phẩm thay thế thuốc lá với thuế suất cao ở Chương 24 thay vì hóa chất có thuế suất thấp thuộc mã 2106.90.99 và 3824.99.99.

- Trường hợp thực hiện chuyển đổi theo tương quan 1:1, 8/10 mặt hàng của nhóm 2404 sẽ có thuế suất 0%. Tuy nhiên, nhóm mặt hàng thuốc lá thuộc Chương 24 là các mặt hàng nhạy cảm, do đó, Bộ Tài chính trình TTCP áp dụng chính sách thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt các mặt hàng thuốc lá nhóm 2404 bằng mức thuế suất của các mặt hàng là nguyên liệu thay thế lá thuốc lá (mã số 2403.99.30; 2403.99.90), theo đó sẽ có thuế suất 30% từ năm 2023

- Các vấn đề dự kiến có thể phát sinh: Ủy ban thực thi Hiệp định AANZFTA có quy định các bên sẽ trao đổi, rà soát kết quả chuyển đổi biểu thuế trước khi triển khai thực thi cam kết, do đó, sẽ có khả năng phát sinh yêu cầu tham vấn của các thành viên và đề nghị Việt Nam thực hiện chuyển đổi biểu thuế đảm bảo nguyên tắc không làm xói mòn cam kết, yêu cầu Việt Nam áp dụng thuế suất 0%, cũng như có thể phát sinh vướng mắc về thực thi cam kết từ doanh nghiệp. Hiện nay, bảng tương quan chuyển đổi AHTN 2017 – 2022 đã được các nước ASEAN thông qua, do đó sẽ gặp khó khăn trong quá trình bảo vệ phương án quan điểm của Việt Nam.